

PROMOTE THE CULTURAL HERITAGE VALUE OF ETHNIC MINORITIES IN SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT TODAY

Le Thi Bích Thuy

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Email: lebichthuyhcm@gmail.com

Received: 16/02/2023; Reviewed: 17/02/2023; Revised: 09/3/2023; Accepted: 10/3/2023; Released: 20/3/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/33>

Cultural heritage always plays an important role in the formation and development of each country, ethnic group, region and is also a valuable resource, contributing to the brand and image of each country and nation. Ethnic minority communities in Vietnam have a diverse system of traditional cultural heritage with a variety of rich folklore activities. This article focuses on identifying the potential value of ethnic minorities' cultural heritage, the relation between tourism development and the protection-promotion of ethnic minorities' cultural heritage values. Since propose solutions to preserve and promote the cultural heritage values of ethnic minority communities associated with sustainable tourism development today.

Keywords: *Promote cultural heritage value; Ethnic minorities; Tourism development.*

1. Đặt vấn đề

Du lịch là ngành công nghiệp “không khói” của nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, di sản văn hóa là nguồn tài nguyên vô giá tạo nên sức hút du lịch riêng cho mỗi quốc gia. Phát huy giá trị di sản văn hoá trong phát triển du lịch thường tạo hiệu ứng tăng nhanh về số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế. Di sản văn hóa Việt Nam là giá trị cốt lõi để hình thành những sản phẩm du lịch văn hoá đặc trưng ở các vùng du lịch của Việt Nam và tạo nên nét khác biệt cho hệ thống sản phẩm du lịch Việt Nam, kết nối và đa dạng hoá các tour, tuyến du lịch. Với những đặc điểm như đảm bảo hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội bền vững, lưu giữ được dấu ấn về văn hóa, ngành nghề truyền thống của các cộng đồng dân tộc,... du lịch đã và đang nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ phát triển của Đảng, Nhà nước ta. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ môi trường và thiên nhiên...”.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau về những giá trị di sản văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam. Trong đó, có một số công trình nghiên cứu trực tiếp bàn về vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của các dân tộc thiểu số như: “*Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - thực trạng và những vấn đề đặt*

ra” (Bính, 2004), “*Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*” (Vinh, 2004), “*Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số*” (Điềm, 2001), “*Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*” (Lương, 2004), “*Bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của người Thái Bắc Trung bộ hiện nay*” (Thanh, 2004), “*Văn hoá các tộc người với phát triển du lịch văn hoá*” (Thủy, 2020),... Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề giá trị di sản văn hoá của một số tộc người dưới nhiều góc độ khác nhau như: Phân tích những di sản văn hoá đặc sắc của các DTTS; thực trạng việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS; những nguy cơ mai một giá trị văn hóa của các DTTS và đề xuất một số giải pháp cho việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các DTTS ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, chưa có công trình chuyên biệt nào khái quát toàn diện, hệ thống về phát huy giá trị di sản văn hoá của các DTTS trong phát triển du lịch bền vững hiện nay. Vì vậy, kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được, bài viết tập trung làm rõ tiềm năng giá trị di sản văn hoá của cộng đồng các DTTS, mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hoá của các DTTS, và đề xuất những giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá của các DTTS gắn với phát triển du lịch bền vững hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành văn hoá học, phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

thứ cấp về di sản văn hoá của cộng đồng các DTTS. Kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được, bài viết tập trung nhận diện tiềm năng giá trị di sản văn hoá của các DTTS, và đề xuất những giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá của các DTTS gắn với phát triển du lịch bền vững hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tiềm năng giá trị di sản văn hoá của các dân tộc thiểu số

Di sản văn hoá luôn đóng vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc, vùng miền, là nguồn tài nguyên quý báu, góp phần làm nên thương hiệu, hình ảnh của mỗi quốc gia, dân tộc. Việt Nam đã trải qua hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước và quá trình hình thành, phát triển của các nền văn hóa của nhiều tộc người. Những di sản văn hoá đó không chỉ là tài sản của riêng một vùng đất, con người địa phương mà còn là tài sản vô cùng quý giá của quốc gia, phản ánh một cách tập trung nhất, tiêu biểu nhất truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Trong đó, nhiều di sản văn hoá mang tầm vóc thế giới và được cả nhân loại tôn vinh. Theo thống kê của Cục Di sản văn hoá, tính đến cuối năm 2020, Việt Nam có 28 di sản văn hoá được UNESCO ghi danh, trong đó có 8 di sản văn hoá và thiên nhiên, 13 di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, 07 di sản tư liệu; 3.560 di tích được xếp hạng cấp quốc gia (119 di tích cấp quốc gia đặc biệt); 215 bảo vật quốc gia; 364 di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia (Cục Di sản văn hoá, 2020). Hệ thống di sản văn hoá phong phú của 54 cộng đồng dân tộc anh em và mỗi cộng đồng dân tộc đều có kho tàng di sản văn hoá mang bản sắc riêng là nền tảng hình thành tài nguyên du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Trong đó, du lịch văn hoá chính “là cách thức, là con đường có hiệu quả cao để phát huy sức mạnh mềm văn hoá, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, thu hút du khách quốc tế thăm quan, du lịch, nghỉ dưỡng, đầu tư, kinh doanh, gia tăng nguồn thu nhập cho các địa phương và đất nước” (Bắc, 2021) theo đúng tinh thần văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Gắn phát triển văn hoá với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hoá cho các thế hệ mai sau”. (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.145).

Cộng đồng các DTTS ở nước ta có hệ thống di sản văn hoá truyền thống đa dạng với nhiều loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian phong phú như: dân ca, âm nhạc, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống,

trang phục, ẩm thực đặc sắc và những tri thức dân gian được lưu truyền qua nhiều thế hệ đã góp phần làm nên sự “giàu có” của vốn di sản văn hoá truyền thống của mỗi cộng đồng người và mỗi vùng đất. Hiện nay, các DTTS ở một số địa phương đã có nhiều thay đổi nhưng những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc vẫn được duy trì, hình thành nên đặc trưng văn hoá của tộc người và là nguồn tài nguyên quan trọng, là tiềm năng khai thác phát triển du lịch và tạo nên những sản phẩm du lịch văn hoá mang tính đặc thù.

Kho tàng văn hoá dân gian của các DTTS rất đa dạng, phong phú với nhiều thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ, truyện thơ, tục ngữ, dân ca trữ tình, dân ca tín ngưỡng, văn khấn, văn tế, hệ thống các Mo,... thường được diễn xướng trong các lễ hội và sinh hoạt hàng ngày. Những tác phẩm văn học dân gian phục vụ cho sinh hoạt văn hoá, nghi lễ tín ngưỡng của người dân các DTTS ở miền núi phía Bắc rất phong phú tiêu biểu như: Người Thái có hệ thống các tác phẩm văn học, các sách ghi chép về lịch sử, xã hội, các sách ghi chép về luật tục,... Người Mường có các bài Mo là tập hợp các bài văn vần được diễn xướng trong những đêm Mo tang lễ, mo cầu cúng vía,... Những bài dân ca trữ tình chứa đựng nội dung ca ngợi các anh hùng dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, những bài học đạo đức luân lý giáo dục thế hệ con cháu,... Những bài dân ca tín ngưỡng thể hiện lòng tôn kính và cầu mong các vị thần linh giúp đỡ, bảo vệ cho cuộc sống của con người và cộng đồng được an vui, hạnh phúc,... Người Tày, người Nùng có những bài dân ca cuộc hành trình của con người lên Trời để cầu xin Ngọc hoàng ban phước được trình diễn thông qua nghệ thuật diễn xướng hát Then. Nội dung của những bài dân ca của người Tày, người Nùng chứa đựng tư tưởng nhân văn sâu sắc, tình yêu thiên nhiên, tình yêu đôi lứa, nghĩa vợ chồng, những bài học luân lý về đạo lý làm người, ca ngợi bản làng, cầu mong con người khoẻ mạnh, mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi,... Người Mông có những bài dân ca tín ngưỡng đa dạng, phong phú như: hát lên nhà mới, hát trong đám cưới, hát tiễn đưa linh hồn,... Trong đó, những bài hát mang đậm tính nghi lễ trong đám tang đã truyền tải những tình cảm thương xót của người thân đối với người đã chết, nhiều bài hát thấm đượm tình người và mang tính giáo dục con người hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn,... (Loi, 2021).

Mỗi cộng đồng DTTS đều có những lễ hội truyền thống thể hiện bản sắc văn hoá đặc thù, biểu thị những quan niệm của họ về vũ trụ, tự nhiên, về con người và cuộc sống nhân sinh và chứa đựng trong đó nhiều giá trị văn hoá truyền thống của mỗi tộc người, đều có những lễ hội đặc sắc gắn liền với đời sống văn hoá, tín ngưỡng của mình. Người Thái

có Lễ hội xuống đồng, Lễ Xên bản, Xên Mường,... Người Mường có Lễ hội xuống đồng, Lễ Thượng điền, Lễ hạ điền, Lễ cơm mới,... Người Mông có Lễ ăn thề, Lễ cầu may, Lễ gọi hồn, Lễ “sải sán”(chơi núi), Lễ Gầu tào,... Người Tày, người Nùng có lễ hội Lồng tồng (xuống đồng),... Người Dao có Lễ hội Cáp sắc, lễ hội Tết nhảy,... Trong các ngày lễ, ngày tết, lễ hội, thực hành tín ngưỡng truyền thống và những sự kiện quan trọng của người dân các DTTS, âm nhạc là món ăn tinh thần không thể thiếu, có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào DTTS. Trong phần nghi lễ thờ cúng thần linh thường có văn khấn, các loại hình âm nhạc và nhạc cụ truyền thống như khèn, trống, cồng, chiêng,... Phần hội luôn được người dân tổ chức những trò chơi dân gian và phần diễn xướng, ca hát, nhảy múa rất vui vẻ. Trong đám cưới của người Thái có những bài hát Khấp như hát mừng dâu, hát mừng hôn vía dâu, rể, hát xin cửa, hát cho cửa,... Trong đám cưới của người Mông có các bài hát xin mở công, hát giao lễ vật, hát xin dâu,... Trong đám cưới của người Tày có các bài hát chào hỏi, hát mời trầu, hát cảm ơn, hát xin trái chiếu, hát cáo thần linh về dâu, rể mới. Người Mường còn có hát Đàng (hát thơ) nói về những tích, truyền thuyết, trường ca, những câu chuyện dân gian và những truyền thống tốt đẹp của dòng tộc,... Trong các nghi lễ thờ cúng và lễ hội của người Mông không thể thiếu tiếng khèn. Tiếng khèn của người Mông thể hiện tâm tư, tình cảm của mình với bạn bè, cộng đồng, thiên nhiên, núi và để bày tỏ lòng thành kính đối với các đấng siêu nhiên, như ma bản, ma nhà, hay linh hồn những người đã mất. Người Kơ-mú có những điệu hát Tom phản ánh sinh động đời sống tinh thần, tâm linh của họ. Người Kơ-mú còn có những điệu múa tái hiện các hoạt động trong đời sống sinh hoạt như: Múa cá lượn, múa chiêng kết hợp với ống che, ống nứa, múa đánh đao, múa sạp, múa khăn, múa chọc lỗ tra hạt, múa lắc eo, múa vòng tròn và những bài hát xướng như hát giao duyên,... Trong các nghi lễ tín ngưỡng, những điệu múa kết hợp với trang phục, âm nhạc đã tạo nên những tiết mục đặc sắc, độc đáo, gửi gắm tâm tư, tình cảm đối với các đấng siêu nhiên và cầu xin thần linh ban cho cuộc sống khỏe mạnh, yên vui, mưa thuận gió hoà và mùa màng bội thu. Thông qua những điệu múa, người dân nơi đây động viên nhau vượt qua những khó khăn, chăm chỉ lao động sản xuất, thể hiện khát vọng về tình yêu đôi lứa, tình thân đoàn kết, gắn kết cộng đồng.

Nhạc cụ truyền thống của các DTTS khu vực Tây Nguyên là đàn cồng, chiêng đồng, đàn đá và nhiều loại nhạc cụ thuộc nhóm hơi như khèn bầu, sáo trúc, tù và bằng sừng trâu,... Trong đó, cồng chiêng là biểu tượng của sức mạnh vật chất, thể hiện sự giàu có của cá nhân, gia đình, dòng họ, bon làng và được lưu giữ, truyền từ đời này qua đời khác. Trong những dịp lễ hội tín ngưỡng truyền

thống, người dân nơi đây xem cồng chiêng là cầu nối giữa con người hiện tại với thế giới thần linh. Khi hoà tấu cồng chiêng, người dân nơi đây còn dùng tiếng trống bịt da trâu đánh giáo đầu và giữ nhịp. Cộng đồng các DTTS ở khu vực Tây Nguyên cũng có những điệu múa dân gian được hình thành trong cuộc sống, lao động sản xuất nông nghiệp làm nương rẫy để đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần, tiêu biểu như: Múa dân gian của người Mạ thường sử dụng những động tác, tư thế của cơ thể theo tiết tấu âm nhạc của cồng, chiêng hoặc các nhạc khí khác để diễn tả mọi hoạt động trong cuộc sống. Đối với người Mnông, múa rất quan trọng trong đời sống, được thực hiện trong những lễ hội của cộng đồng và các sự kiện quan trọng của gia đình như cưới hỏi, mừng nhà mới,... Những điệu múa góp phần tạo nên không khí linh thiêng, sống động và vui tươi trong những dịp lễ hội. Múa dân gian trở thành một hình thức giao lưu giữa các thành viên trong cộng đồng. Đồng thời, các động tác múa diễn lại cảnh lao động, sản xuất, săn bắt, chống thú dữ và các sinh hoạt khác, thể hiện tâm tư, tình cảm của con người.

Đời sống văn hoá vật chất của cộng đồng các DTTS cũng rất đa dạng, phong phú thể hiện rõ trong phong cách ẩm thực, trang phục truyền thống, xây dựng nhà cửa,... Những món ăn và đồ uống của mỗi tộc người ở mỗi vùng miền là sự hội tụ nét văn hoá ẩm thực đặc trưng, phong phú của mỗi cộng đồng dân tộc. Bên cạnh đó, trang phục truyền thống của các DTTS phối màu trong dệt vải rất tinh tế với nhiều hoa văn được sắp xếp bố cục đa dạng, phong phú thể hiện bản sắc văn hoá riêng của mỗi tộc người. Trang phục truyền thống của đồng bào DTTS ở miền núi phía Bắc thể hiện kỹ thuật dệt vải, may thêu tài tình thể hiện đặc trưng riêng của mỗi tộc người. Trang phục của người Mường bình dị, màu sắc không rực rỡ; trang phục của người Tày mang nét đặc sắc riêng với gam màu chủ đạo là màu chàm và trang phục của nữ giới thường kèm theo thắt lưng; trang phục của người Dao Tiền không rực rỡ nhưng được dệt, vẽ, thêu với nhiều hoa văn độc đáo, tinh xảo; trang phục của người Thái ấn tượng bởi sự mộc mạc, hài hoà; trang phục truyền thống của người Mông rất cầu kỳ với nhiều hoa văn và màu sắc sắc sỡ,... Trang phục truyền thống của đồng bào DTTS khu vực Tây Nguyên bằng chất liệu thổ cẩm. Màu sắc, kiểu dáng và hệ biểu tượng của các loại hoa văn là đặc trưng trong thời trang thổ cẩm của các dân tộc Tây Nguyên. Trang phục truyền thống của người Mạ ở Tây Nguyên với nhiều loại với kích thước, hoa văn trang trí hình học với các màu sắc rực rỡ khác nhau như đỏ, xanh,... tạo nên những nét đặc trưng riêng trong trang phục của người Mạ,...

Các DTTS thường sinh sống trong những Buôn, Bon, Bản, làng,... với những ngôi nhà có kiến trúc

độc đáo mang bản sắc riêng của từng cộng đồng. Đây cũng là một trong những ưu thế để hình thành nên các sản phẩm du lịch văn hoá mang tính đặc thù riêng trong hệ thống sản phẩm du lịch Việt Nam như: du lịch cộng đồng, du lịch văn hoá làng bản, ... Bên cạnh đó, cộng đồng các dân tộc thiểu số còn có nhiều nghề truyền thống được cộng đồng tích lũy và trao truyền qua nhiều thế hệ trở thành tri thức của cộng đồng, tạo nên tính đặc trưng trong nghề truyền thống của tộc người, như: đan lát, dệt thổ cẩm, chế biến nông sản, ... Trong đó, phần lớn các cộng đồng DTTS đều có nghề truyền thống là dệt thổ cẩm với những hoa văn tinh xảo đã trở thành nét văn hoá đặc sắc của mỗi tộc người. Nguyên liệu dùng để dệt là những sợi được tạo ra từ bông vải do người dân tự trồng trọt trên rẫy và màu nhuộm vải được tạo ra từ lá cây, quả và vỏ cây rừng. Tùy theo mục đích sử dụng, mỗi tộc người sẽ dùng những loại vỏ, lá cây để tạo ra các màu khác nhau. Đây chính là lợi thế, tiềm năng để đưa làng nghề truyền thống vào các chương trình, tour du lịch, tuyến du lịch thăm quan, trải nghiệm làng nghề và sản xuất sản phẩm truyền thống trở thành những sản phẩm du lịch đặc thù phục vụ du khách.

Ngoài ra, các DTTS còn có hệ thống tri thức truyền thống về các loại thực vật, các loại cây thuốc để chăm sóc sức khỏe. Trong đời sống truyền thống gắn liền với môi trường tự nhiên, nên người dân nơi đây có những quan niệm về sự sống và cái chết gắn liền với ước vọng che chở của các vị thần linh. Các vị thần linh như thần rừng, thần đất, thần sông, thần suối, thần lúa, thần rẫy, ... là những bảo vệ sự sống cho con người, mang lại mọi ước muốn của con người nhưng sẽ trừng con người nếu con người xúc phạm đến thần linh. Do đó, trong cuộc sống, mỗi tộc người luôn có những kiêng kỵ liên quan đến yếu tố siêu nhiên. Đồng thời, trong quá trình sinh tồn, mỗi cộng đồng dân tộc cũng có những bài thuốc chữa bệnh được mọi người tin dùng như: Cầm sốt, đau bụng tiêu chảy đột ngột, đau bao tử, bị rắn và bò cắn cắn, cầm máu, đau răng, bệnh tiêu gút, gãy xương, bong gân, ... Những bài thuốc cổ truyền là tài sản văn hoá có thể thu hút khách du lịch khi khai thác phát triển du lịch cộng đồng gắn với các dịch vụ nghỉ dưỡng, nâng cao sức khỏe.

4.2. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá của các dân tộc thiểu số

Du lịch văn hoá đã từ lâu đã trở thành dòng sản phẩm du lịch cơ bản của các quốc gia, vùng lãnh thổ có chiều sâu văn hoá đo bằng hệ thống di sản văn hoá phong phú, đa dạng. Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia có hệ thống di sản văn hoá đa dạng, phong phú và mang đậm bản sắc văn hoá của các cộng đồng dân tộc khác nhau đã trở thành một trong những thế mạnh nổi trội, có sức hấp dẫn mạnh mẽ, là động

lực thu hút ngày càng nhiều khách tham quan trong nước và khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

Trong những năm qua, ngành du lịch Việt Nam đã có sự phát triển và di sản văn hoá là công cụ hỗ trợ tích cực trong việc định vị hình ảnh, xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam “Việt Nam - điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn”. Từ năm 2019 đến năm 2021, Tổ chức Giải thưởng Du lịch Thế giới đã bình chọn Việt Nam là “Điểm đến văn hoá hàng đầu châu Á”. Thực hiện Nghị quyết số 08 NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, triển khai giai đoạn 1 (từ năm 2021-2025), Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3404/QĐ-BVHTTDL ngày 22/12/2021 về Phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các DTTS gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030” và văn bản số 677/HD-BVHTTDL về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch” nhằm mục tiêu khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá truyền thống của đồng bào DTTS, hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị văn hoá cho vùng đồng bào DTTS để nâng cao đời sống văn hoá cho đồng bào các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Trong thời gian qua, du lịch văn hoá ở vùng đồng bào DTTS ở một số địa phương đã có tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế-xã hội của người dân. Phát triển du lịch văn hoá đã góp phần chuyển đổi sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng các dân tộc tham gia vào các mô hình du lịch như du lịch cộng đồng, du lịch làng bản, du lịch sinh thái, ... Những mô hình du lịch này đã góp phần bảo tồn vẻ đẹp tự nhiên, bản sắc văn hoá của tộc người, phát huy vai trò cộng đồng trong hoạt động du lịch, ... Nhờ phát triển du lịch, nhiều di sản văn hoá của đồng bào DTTS có nguy cơ bị mai đã được phục hồi như: nghề làm thuốc của người Dao, nghề thêu dệt thổ cẩm của người Thái, ...

Cộng đồng địa phương là cốt lõi của việc phát triển du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch cộng đồng. Việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với các giá trị văn hoá đặc trưng của mỗi cộng đồng dân tộc đang trở thành xu hướng phát triển tất yếu trong lĩnh vực du lịch. Trước tiên, đó là những lợi ích về kinh tế - xã hội, tạo ra nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương thông qua các dịch vụ du lịch, tạo điều kiện cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, sự đa

dạng của thiên nhiên nơi có những hoạt động du lịch. Sau nữa là những lợi ích đem lại cho khách du lịch trong việc thụ hưởng các giá trị văn hoá của mỗi cộng đồng DTTS đặc trưng mà trước đó họ chưa biết tới. Tuy nhiên, phát triển du lịch nhanh chóng mà không tuân theo quy hoạch, hướng tới phát triển bền vững sẽ kéo theo nhiều hệ lụy, thậm chí có những tác động tiêu cực tới di sản văn hóa, thiên nhiên, cảnh quan môi trường. Trong thời gian qua, tại một số địa phương, nhiều làng, bản của đồng bào DTTS có bản sắc văn hóa đa dạng nhưng người dân thiếu vốn và kỹ năng để kinh doanh du lịch, nhiều địa phương chưa khuyến khích được người dân tham gia với vai trò là chủ thể vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá trong chuỗi hoạt động du lịch bền vững, sự chia sẻ lợi ích chưa công bằng giữa một số doanh nghiệp và cộng đồng dân cư địa phương, nhiều khó khăn trong giải quyết các vấn đề xã hội ở vùng đồng bào DTTS được đặt ra,... Do tính chất nhạy cảm và dễ bị tổn thương của di sản mà quá trình phát triển du lịch ở ạt thiếu kiểm soát, bị khai thác thương mại hóa quá mức, lạm dụng di sản,... sẽ làm cho di sản nhanh xuống cấp, méo mó, nhạt nhòa giá trị văn hoá, nguy cơ phai nhòa bản sắc, phá vỡ tính nguyên vẹn của di sản, mai một truyền thống và lối sống địa phương, gia tăng chia rẽ cộng đồng, xung đột lợi ích, mâu thuẫn về quyền tiếp cận tài nguyên, trong đó có tài nguyên di sản văn hóa,... đang dấy lên hồi chuông báo động đối với các bên liên quan trong việc quản lý bền vững tài nguyên di sản văn hóa trong phát triển du lịch. Bởi vậy, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hoá của đồng bào DTTS đang là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách hiện nay.

5. Thảo luận

Để phát huy giá trị di sản văn hoá trong du lịch hướng tới mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trong phát triển du lịch, đảm bảo quyền lợi cho các DTTS trong phát triển du lịch thì đòi hỏi các cấp, các ngành cùng hành động và thực hiện đồng bộ những giải pháp hữu hiệu đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững:

Một là, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các DTTS gắn với quy hoạch phát triển du lịch, xây dựng chiến lược phát triển du lịch văn hóa phù hợp với từng cộng đồng DTTS ở từng địa phương và từng khu vực. Phát triển du lịch gắn với trách nhiệm của cộng đồng, đề cao vai trò văn hóa bản địa, nâng cao nhận thức cho cộng đồng các DTTS, bảo vệ lợi ích và phát huy vai trò của cộng đồng dân cư địa phương trong quản lý di sản văn hoá và phát triển du lịch, lựa chọn sản phẩm du lịch trên cơ sở phát huy giá trị di sản văn hoá đặc trưng của mỗi tộc người tại các điểm du lịch. Việc bảo tồn và phát huy

các giá trị di sản văn hoá của các DTTS trước hết phải vì cộng đồng, vì chính nhu cầu của địa phương để giữ nguyên những giá trị di sản văn hoá độc đáo, đặc sắc riêng có của mỗi tộc người.

Hai là, tăng cường quảng bá điểm đến di sản văn hóa một cách rộng rãi, đa dạng hóa các hình thức quảng bá về di sản văn hóa của từng cộng đồng theo địa phương hoặc liên kết chuỗi giá trị văn hoá theo từng khu vực theo các tour du lịch, tuyến du lịch khai thác di sản văn hoá. Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như các trang mạng xã hội zalo, facebook, youtube, twitter,... để giới thiệu về giá trị và sức hấp dẫn của di sản văn hoá của đồng bào DTTS.

Ba là, đa dạng hóa sản phẩm du lịch để khai thác đầy đủ giá trị di sản văn hoá của từng tộc người và kết nối với các di sản văn hóa của các tộc người khác trên địa bàn giúp du khách tìm hiểu sâu hơn, đa dạng hơn các giá trị của di sản văn hóa. Do đó, cần thiết kế nhiều chương trình trải nghiệm, tìm hiểu các giá trị của nhiều di sản văn hóa khác nhau trên một địa bàn trong các tour du lịch, chương trình du lịch ở mỗi địa phương.

Bốn là, xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch là người DTTS tại địa phương đủ về số lượng và đảm bảo trình độ chuyên môn, am hiểu về con người, bản sắc văn hoá của từng địa phương để truyền bá đầy đủ, đúng đắn, sâu sắc những giá trị di sản văn hoá đến du khách.

Năm là, tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch, đặc biệt là tại các điểm du lịch cộng đồng như: tăng cường số lượng các thùng rác cho du khách, áp dụng các hệ thống xử lý nước thải, rác thải trong khu di tích, huy động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường và thu gom rác thải tại các điểm du lịch,... Đồng thời, thường xuyên đánh giá và giám sát sự tác động của hoạt động du lịch tới việc bảo tồn giá trị di sản văn hoá và đời sống của các cộng đồng DTTS tại những điểm du lịch ở từng địa phương.

6. Kết luận

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá của các DTTS gắn với phát triển du lịch bền vững “đồng thời bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau” là một yêu cầu cấp thiết hiện nay để đảm bảo phát triển bền vững đất nước, thực hiện khát vọng xây dựng đất nước cường thịnh, phồn vinh và hạnh phúc. Để có thể giải quyết tốt mối quan hệ này thì đòi hỏi sự chủ động, quyết tâm của các cấp chính quyền, các ngành, du khách và cộng đồng DTTS ở từng địa phương nghiêm túc thực hiện với một hệ thống giải pháp đồng bộ, phù hợp với đặc trưng văn hoá của từng cộng đồng DTTS và tình hình thực tiễn của địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Bắc, N.D. (2021). “*Quan điểm, chủ trương mới về phát triển văn hoá, con người Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*” <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/quan-diem-chu-truong-moi-ve-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-viet-nam-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-136109>.
- Bính, T.V. (2004). “*Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - thực trạng và những vấn đề đặt ra*”, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Cục Di sản văn hoá (2020), *Báo cáo số 883/BC-DSVH ngày 15/12/2020*. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Điền, N.K. (2001), “*Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số*”, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Loi, L.V. (2021), “*The art of ethnic minorities’ traditional beliefs in Northwest region of Vietnam*”, *Central Asia and the Caucasus*, Volume 22, Issue 3, p.197-211.
- Lương, H. (2004), “*Luật tục với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá truyền thống một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*”, Hà Nội: Nxb. Văn hoá Dân tộc.
- Thanh, C.V. (2004), “*Bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của người Thái Bắc Trung bộ hiện nay*”, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Thủy, B.T. (2020), “*Văn hoá các tộc người với phát triển du lịch văn hoá*”, Hà Nội: Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
- Vinh, H. (2004), “*Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*”, Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG HIỆN NAY

Lê Thị Bích Thủy

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: lebichthuyhcm@gmail.com

Nhận bài: 16/02/2023; Phân biên: 17/02/2023; Tác giả sửa: 09/3/2023; Duyệt đăng: 10/3/2023; Phát hành: 20/3/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/33>

Di sản văn hoá luôn đóng vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc, vùng miền và là nguồn tài nguyên quý báu, góp phần làm nên thương hiệu, hình ảnh của mỗi quốc gia, dân tộc. Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có hệ thống di sản văn hoá truyền thống đa dạng với nhiều loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian phong phú. Bài viết tập trung làm rõ tiềm năng giá trị di sản văn hoá của các dân tộc thiểu số, mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hoá của các dân tộc thiểu số. Từ đó, đề xuất những giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch bền vững hiện nay.

Từ khóa: *Phát huy giá trị di sản văn hoá; Dân tộc thiểu số; Phát triển du lịch.*